

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THANH HUY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THANH HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107928993

**3. Ngày thành lập:** 20/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 219 đường Ngọc Hồi, Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt dây dẫn điện, hệ thống chuông báo trộm hay lắp đặt hệ thống điều hòa, thang máy được xếp vào xây dựng.<br>- Lắp đặt máy công nghiệp trong các nhà máy công nghiệp ;<br>- Lắp đặt thiết bị kiểm soát quá trình công nghiệp ;<br>- Tháo dỡ các máy móc và thiết bị cỡ lớn ;<br>- Hoạt động của thợ cổi xay ;<br>- Máy làm đòn bẩy ;<br>- Lắp đặt các thiết bị chơi bowling | 3320     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321     |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690     |
| 4.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4752     |
| 5.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4759     |
| 6.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6810     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát địa hình;</li> <li>- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình</li> <li>- Quản lý chất lượng xây dựng công trình</li> <li>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình;</li> <li>- Thiết kế điện - cơ điện công trình;</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước;</li> <li>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;</li> <li>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;</li> <li>- Thiết kế phòng cháy - chữa</li> <li>- Lập quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước;</li> <li>- Khảo sát xây dựng;</li> <li>- Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình;</li> <li>- Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng;</li> <li>- Thi công xây dựng công trình;</li> <li>- Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ</li> <li>- Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</li> <li>- Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</li> <li>- Đo bóc khối lượng;</li> <li>- Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</li> <li>- Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</li> <li>- Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</li> <li>- Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng</li> <li>- Tư vấn Quản lý dự án xây dựng;</li> <li>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng</li> <li>- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình</li> </ul> | 7110(Chính) |
| 8.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4100        |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 10. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4530        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác<br>- Bán buôn dầu thô<br>- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan<br>- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                        | 4661 |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7730 |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299 |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5210 |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311 |
| 16. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4511 |
| 17. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4541 |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4329 |
| 20. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4920 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322 |
| 22. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4512 |
| 23. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2392 |
| 24. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2394 |
| 25. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330 |
| 26. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4543 |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659 |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610 |
| 29. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4663 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4931 |
| 31. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2022 |
| 32. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2395 |
| 33. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4290 |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4932 |
| 35. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933 |

6. **Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGÔ THANH HUY         | Số 20, BT2 khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 760.000    | 7.600.000.000         | 38,000    | 011613100                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                                | Tổng số           | 760.000    | 7.600.000.000         | 38,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG | Số 20, BT2 khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 640.000    | 6.400.000.000         | 32,000    | 025173000029                                                                                |         |
|     |                       |                                                                                                | Tổng số           | 640.000    | 6.400.000.000         | 32,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐỖ QUANG DŨNG         | Số 147 Liễu Giai, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 600.000    | 6.000.000.000         | 30,000    | 001078005578                                                                                |         |
|     |                       |                                                                                                | Tổng số           | 600.000    | 6.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

10. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **ĐỖ QUANG DŨNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *18/02/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001078005578*

Ngày cấp: *16/06/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 147 Liễu Giai, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 147 Liễu Giai, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội